

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1246/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng)

| | |
|-------------------------------------------|-----------------------------------|
| CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAMME): | CỬ NHÂN LUẬT (BACHELOR OF LAW) |
| TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION): | ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE) |
| NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR): | LUẬT (LAW) |
| MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE): | 7380101 |
| LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION): | CHÍNH QUY (FULL - TIME) |

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Luật có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có kiến cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội, có kiến thức chuyên sâu về pháp luật; có tư duy pháp lý; có các kỹ năng nghề nghiệp cơ bản để có thể nghiên cứu, xây dựng, thực hiện pháp luật tại các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế; có khả năng tư duy độc lập, tự bổ sung kiến thức học tập ở bậc cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:* Đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư số 07/2015/TT-BGD&ĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp:* Cử nhân ngành Luật có thể việc làm tại các địa chỉ sau:

- *Nhóm 1:* Làm việc trong các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương trong hệ thống lập pháp, hành pháp, tư pháp.

- *Nhóm 2:* Làm việc trong các tổ chức hành nghề luật, cung cấp dịch vụ pháp lý như: văn phòng, công ty luật; văn phòng công chứng; văn phòng thừa phát lại; trung tâm trọng tài thương mại; trung tâm hoà giải thương mại.

- *Nhóm 3*: Làm việc tại các viện, trung tâm nghiên cứu; các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước;

- *Nhóm 4*: Làm việc trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế;

- *Nhóm 5*: Làm việc tại các tổ chức khác trong và ngoài nước.

- ***Trình độ ngoại ngữ và tin học*** Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

- Cử nhân Luật được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế xã hội, quản lý, quản trị kinh doanh và luật pháp. Có kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực pháp luật như: hành chính, hình sự, dân sự, tố tụng, hợp đồng, giải quyết tranh chấp ...

- Nắm vững kiến thức cơ bản về luật pháp để giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật.

- Tích lũy được kiến thức nền tảng về các lĩnh vực luật pháp để đảm bảo tiếp tục tự nghiên cứu và học tập ở trình độ cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ;

2.2. Kỹ năng

Cử nhân Luật có các kỹ năng sau:

- Có kỹ năng hoàn thành công việc trong những hoàn cảnh, công việc khác nhau đòi hỏi sự vận dụng linh hoạt kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành Luật;

- Phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin, chứng cứ về một sự kiện pháp lý để đưa ra quan điểm, nhận định vấn đề và tổng hợp ý kiến tập thể nhằm đưa ra phương án giải quyết hợp lý;

- Phân tích, đánh giá, tư vấn và giải quyết các tranh chấp trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội;

- Có kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp, trình bày và thuyết trình; bước đầu có khả năng phản biện xã hội.

- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ vào các công việc chuyên môn của ngành Luật;

2.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Cử nhân ngành Luật có đạo đức nghề nghiệp; Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn trong các lĩnh vực pháp luật; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao,

có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; luôn có tinh thần tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

2.4. Về ngoại ngữ và tin học

- Chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương IELTS 5.5 (được ban hành và công bố theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân).

- Chuẩn đầu ra tin học tương đương IC3 (Máy tính căn bản 650 điểm; Phần mềm máy tính 720 điểm; Kết nối trực tuyến 620 điểm) hoặc ICDL (phần cơ bản) (được ban hành và công bố theo Quyết định số 777/QĐ-ĐHKTQD ngày 05/6/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Quốc dân).

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC 130 tín chỉ

TOÀN KHOÁ:

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP Thời gian đào tạo 4 năm theo quy chế của Bộ Giáo dục và đào tạo và quy định của trường Đại học Kinh tế quốc dân về đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

7.1. Cấu trúc kiến thức

| Kiến thức | Khối lượng (tín chỉ) | Ghi chú |
|----------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|
| 1. Kiến thức giáo dục đại cương | 43 | |
| 1.1. Các học phần chung | 19 | Khoa học chính trị và ngoại ngữ |
| 1.2. Các học phần của trường | 12 | Trường quy định bắt buộc |
| 1.3. Các học phần của ngành | 12 | Khoa tự chọn từ tổ hợp của trường |

| | | |
|--------------------------------------------|------------|-------------------------------------------|
| 2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | 87 | |
| 2.1. Kiến thức cơ sở ngành | 15 | |
| 2.2. Kiến thức ngành | 44 | |
| 2.2.1. Các học phần bắt buộc | 29 | |
| 2.2.2. Các học phần tự chọn | 15 | Sinh viên tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần) |
| 2.3. Kiến thức chuyên sâu | 18 | Sinh viên tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần) |
| 2.4. Chuyên đề thực tập tốt nghiệp | 10 | |
| TỔNG SỐ | 130 | Không kể GDTC và GDQP&AN |